

I MỤC TIÊU, YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ NỘI DUNG DẠY HỌC ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu

Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) quy định mục tiêu dạy học Ngữ văn ở cấp Trung học cơ sở như sau:

a. Giúp HS tiếp tục phát triển những phẩm chất tốt đẹp đã được hình thành ở Tiểu học; nâng cao và mở rộng yêu cầu phát triển về phẩm chất với các biểu hiện cụ thể như: biết tự hào về lịch sử dân tộc và văn học dân tộc; có ước mơ và khát vọng, có tinh thần tự học và tự trọng, có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật.

b. Tiếp tục phát triển các năng lực chung, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học đã hình thành ở cấp Tiểu học với các yêu cầu cần đạt cao hơn. Phát triển năng lực ngôn ngữ với yêu cầu: phân biệt được các loại VB (VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin); đọc hiểu được nội dung tường minh và nội dung hàm ẩn của các loại VB; viết được đoạn và bài văn tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng hoàn chỉnh, mạch lạc, lô-gíc, đúng quy trình, có kết hợp các phương thức biểu đạt; nói dễ hiểu, mạch lạc; có thái độ tự tin, phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp; nghe hiểu với thái độ phù hợp.

Phát triển năng lực văn học với yêu cầu: phân biệt được các thể loại truyện, thơ, kí, kịch bản văn học và một số tiểu loại cụ thể; nhận biết được đặc điểm của ngôn ngữ văn học, nhận biết và phân tích được tác dụng của những yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với mỗi thể loại văn học; nhận biết được giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức, giá trị thẩm mỹ; phân tích được tính hình tượng, nội dung và hình thức của tác phẩm văn học; có thể tạo lập được một số sản phẩm viết, nói có tính văn học.

2. Yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học

Mục tiêu dạy học Ngữ văn cấp Trung học cơ sở thực hiện từ lớp 6 đến lớp 9 được thể hiện qua yêu cầu cần đạt đối với các hoạt động: đọc, viết, nói và nghe. Cùng với mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, các năng lực chung và phẩm chất cần thiết của người học cũng đạt được thông qua các hoạt động này. Để đạt được các yêu cầu về năng lực và phẩm chất thông qua dạy học Ngữ văn, ở mỗi lớp, Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018 quy định một số nội dung dạy học tối thiểu, bao gồm những kiến thức về tiếng Việt và văn học, định hướng phạm vi lựa chọn ngữ liệu. Dù vậy, chương trình vẫn mang tính chất mở, tạo cơ hội sáng tạo cho cả GV và HS khi thực hiện chương trình, sử dụng SGK và tài liệu dạy học nói chung. Sau đây là hệ thống yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học ở lớp 6:

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<p style="text-align: center;">ĐỌC</p> <p>ĐỌC HIỂU VB văn học <i>Đọc hiểu nội dung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được ấn tượng chung về VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể tác phẩm. – Nhận biết được chủ đề của VB. – Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB. – Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn. <p><i>Đọc hiểu hình thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật. – Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. – Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. – Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát. – Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. – Nhận biết và nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. – Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của hồi kí hoặc du kí. <p><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai VB. – Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra. <p><i>Đọc mở rộng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Trong một năm học, đọc tối thiểu 35 VB văn học (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng in-tơ-nét) có thể loại và độ dài tương đương với các VB đã học. – Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. 	<p style="text-align: center;">KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Từ đơn và từ phức, từ ghép và từ láy 1.2. Từ đa nghĩa và từ đồng âm 1.3. Nghĩa của một số thành ngữ thông dụng 1.4. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng (ví dụ: <i>bất, phi</i>) và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó (ví dụ: <i>bất công, bất đồng, phi nghĩa, phi lí</i>) 2.1. Các thành phần chính của câu: mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ 2.2. Trạng ngữ: đặc điểm, chức năng (liên kết câu) 2.3. Công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp); dấu ngoặc kép (đánh dấu cách hiểu một từ ngữ không theo nghĩa thông thường) 3.1. Biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ: đặc điểm và tác dụng 3.2. Đoạn văn và VB: đặc điểm và chức năng 3.3. Lựa chọn từ ngữ và một số cấu trúc câu phù hợp với việc thể hiện nghĩa của VB 3.4. Kiểu VB và thể loại <ul style="list-style-type: none"> – VB tự sự: bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, bài văn kể lại một truyện cổ dân gian – VB miêu tả: bài văn tả cảnh sinh hoạt – VB biểu cảm: thơ lục bát; đoạn văn ghi lại cảm xúc khi đọc bài thơ lục bát

<p>VB nghị luận</p> <p><i>Đọc hiểu nội dung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Tóm tắt được các nội dung chính trong một VB nghị luận có nhiều đoạn. <p><i>Đọc hiểu hình thức</i></p> <p>Nhận biết được đặc điểm nổi bật của VB nghị luận.</p> <p><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></p> <p>Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong VB đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.</p> <p><i>Đọc mở rộng</i></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 9 VB nghị luận (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng in-tơ-nét) có độ dài tương đương với các VB đã học.</p> <p>VB thông tin</p> <p><i>Đọc hiểu nội dung</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được các chi tiết trong VB; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của VB. Tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một VB thông tin có nhiều đoạn. <p><i>Đọc hiểu hình thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết và hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng trong VB. Nhận biết được VB thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó. Nhận biết được cách triển khai VB thông tin theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả. <p><i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i></p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,...). Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong VB có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân. <p><i>Đọc mở rộng</i></p> <p>Trong một năm học, đọc tối thiểu 18 VB thông tin (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng in-tơ-nét) có kiểu VB và độ dài tương đương với các VB đã học.</p>	<ul style="list-style-type: none"> VB nghị luận: ý kiến, lí lẽ, bằng chứng; bài trình bày ý kiến về một hiện tượng trong học tập, đời sống VB thông tin: nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng; VB thuyết minh thuật lại một sự kiện; biên bản ghi chép về một vụ việc hay một cuộc họp, thảo luận <p>4.1. Sự phát triển ngôn ngữ: hiện tượng vay mượn từ, từ mượn, sử dụng từ mượn</p> <p>4.2. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu</p> <p style="text-align: center;">KIẾN THỨC VĂN HỌC</p> <p>1.1. Tính biểu cảm của VB văn học</p> <p>1.2. Chi tiết và mối liên hệ giữa các chi tiết trong VB văn học</p> <p>1.3. Đề tài, chủ đề của VB; tình cảm, cảm xúc của người viết</p> <p>2.1. Các yếu tố: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật trong truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại</p> <p>2.2. Người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba</p> <p>2.3. Các yếu tố hình thức của thơ lục bát: số tiếng, số dòng, vần, nhịp</p> <p>2.4. Nhan đề, dòng thơ, khổ thơ, vần, nhịp, ngôn từ và tác dụng của các yếu tố đó trong bài thơ</p> <p>2.5. Yếu tố tự sự, miêu tả trong thơ</p> <p>2.6. Hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong hồi kí hoặc du kí</p>
---	---

VIẾT	NGỮ LIỆU
<p>Quy trình viết Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.</p> <p>Thực hành viết</p> <ul style="list-style-type: none"> – Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. – Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích. – Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. – Bước đầu biết làm bài thơ lục bát; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ lục bát. – Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm: nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình. – Bước đầu biết viết VB thuyết minh thuật lại một sự kiện. – Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách, nêu đầy đủ các nội dung chính về một vụ việc hay một cuộc họp, cuộc thảo luận. – Tóm tắt được nội dung chính của một số VB đơn giản đã đọc bằng sơ đồ. 	<p>1.1. VB văn học</p> <ul style="list-style-type: none"> – Truyền thuyết, cổ tích, đồng thoại, truyện ngắn – Thơ, thơ lục bát – Hôi kí hoặc du kí <p>1.2. VB nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nghị luận xã hội – Nghị luận văn học <p>1.3. VB thông tin</p> <ul style="list-style-type: none"> – VB thuật lại một sự kiện – Biên bản ghi chép – Sơ đồ tóm tắt nội dung
NÓI VÀ NGHE	
KẾT NỐI TRI THỨC	
VỚI CUỘC SỐNG	
<p>NÓI</p> <ul style="list-style-type: none"> – Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó. – Kể được một truyền thuyết hoặc cổ tích một cách sinh động, biết sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để tăng tính hấp dẫn trong khi kể. – Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống. 	
<p>NGHE Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác.</p>	
<p>NÓI NGHE TƯƠNG TÁC</p>	
<p>Biết tham gia thảo luận trong nhóm nhỏ về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết đặt câu hỏi và trả lời, biết nêu một vài đề xuất dựa trên các ý tưởng được trình bày trong quá trình thảo luận.</p>	